



STT	TÊN DỊCH VỤ	NỘI DUNG	GIÁ NIÊM YẾT	GIÁ ƯU ĐÃI 40%
I	KHÁM LÂM SÀNG			
1	Khám nội	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x
II	XÉT NGHIỆM			
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở) - 18 chỉ số	Phát hiện tình trạng thiếu máu & một số bệnh lý về máu	x	x
2	Định lượng glucose [Máu]	Đánh giá tình trạng đường máu	x	x
3	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Đánh giá tình trạng mỡ máu	x	x
4	Định lượng Triglycerid [Máu]		x	x
5	Định lượng urê máu [Máu]	Đánh giá chức năng thận	x	x
6	Định lượng Creatinin [Máu]		x	x
7	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Kiểm tra men gan, đánh giá viêm gan và các bệnh về gan	x	x
8	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]		x	x
9	Đo hoạt độ GGT (GGT) [Máu]		x	x
10	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	Kiểm tra chảy máu tiêu hóa vi thể nhằm tìm thấy máu chảy trong phân	x	x
11	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Xác định tình trạng nhiễm mật trong máu	x	x
12	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]		x	x
13	Đông máu cơ bản (PT, APTT, Fibrinogen)	Kiểm tra khả năng đông máu, đảm bảo điều kiện trước nội soi gây mê	x	x
14	Ab HIV (Test nhanh)	Phát hiện HIV (Điều kiện để nội soi)	x	x
III	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
1	Điện tim	Phát hiện một số bệnh lý về tim	x	x
2	Chụp x-quang tim phổi thẳng	Phát hiện một số bệnh lý về phổi	x	x
3	Siêu âm ổ bụng	Kiểm tra các bất thường về hình dạng nội tạng trong bụng hay không, phát hiện các bệnh lý trong ổ bụng như gan mật, tụy lách, thận... Góp phần vào việc phát hiện ung thư các nội tạng. Âm tính giả với các khối u tạng đặc < 1cm	x	x
VI	NỘI SOI TIÊU HÓA			
1	Nội soi thực quản, dạ dày ống mềm có sinh thiết test HP [Công nghệ NBI]	Đánh giá các bệnh lý ở thực quản, dạ dày, tá tràng với công nghệ nội soi tăng cường hình ảnh sử dụng ánh sáng có dải tần hẹp (NBI) giúp phóng đại dấu hiệu tổn thương lên 100 lần thông thường	x	x
2	Nội soi đại tràng, trực tràng ống mềm có sinh thiết [Công nghệ NBI]	Đánh giá các bệnh lý ở thực quản, dạ dày, tá tràng với công nghệ nội soi tăng cường hình ảnh sử dụng ánh sáng có dải tần hẹp (NBI) giúp phóng đại dấu hiệu tổn thương lên 100 lần thông thường	x	x
3	Gây mê khác (dạ dày và đại tràng)	Gây mê cho nội soi dạ dày, đại tràng cho người bệnh dễ chịu, thoải mái, không đau	x	x
4	Vật tư nội soi cho dạ dày, đại tràng (gây mê) (01 kim sinh thiết, 1 ca nuyen ngáng miệng, 01 kính oxy, dịch truyền, oxy)	Vật tư cho nội soi dạ dày, đại tràng	x	x
V	XÉT NGHIỆM UNG THƯ			
1	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]		x	x
2	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72 - 4) [Máu]		x	x
3	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]		x	x
Tổng			12.000.000	6.990.000

- Ghi chú:** Giá trên chưa bao gồm chi phí phát sinh khác như: sinh thiết tổn thương, cắt polyp, dụng cụ can thiệp (nếu sử dụng), xét nghiệm mô bệnh học. Các xét nghiệm cận lâm sàng khác ngoài gói theo yêu cầu NB/KH hoặc chỉ định của bác sĩ, giá viện phí nằm lưu sau cắt polyp